



ký ngành nghề kinh doanh sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.

Ngày 22/12/2022 giữa công ty cổ phần S1 (Bên A) và công ty trách nhiệm hữu hạn X (Bên B) đã thỏa thuận ký Hợp đồng kinh tế (về việc cung cấp bê tông thương phẩm và bơm bê tông) số NN22.12/2022/HĐKT/HT86 với nội dung có 8 Điều khoản đã thỏa thuận ghi trong hợp đồng.

Sau khi hai bên ký kết Hợp đồng trên, thực hiện hợp đồng ngày 11/01/2023 đến ngày 04/4/2023 công ty trách nhiệm hữu hạn X đã bán bê tông thương phẩm đảm bảo chỉ tiêu kỹ thuật (theo các tiêu chuẩn và quy định hiện hành) và các dịch vụ khác phục vụ thi công công trình cho công ty cổ phần S1 tại hạng mục thi công của công trình theo yêu cầu của (bên A) là khu công nghiệp T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, theo thỏa thuận các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng kinh tế.

Các lần giao nhận hàng hóa là bê tông, bơm bê tông đúng địa điểm, hàng hóa đúng chủng loại như hai bên đã thỏa thuận ghi trong hợp đồng kinh tế.

Khi giao nhận bê tông đến hạng mục công trình thi công theo yêu cầu của công ty cổ phần S1 (bên A), phía công ty trách nhiệm hữu hạn X đều gửi kèm xuất phiếu bê tông theo mẫu của (bên B) và phiếu cân bê tông. Công ty cổ phần S1 (Bên A) cử người nhận bê tông kiểm tra kẹp chì, độ sụt và ký xác nhận vào phiếu xuất bê tông của từng xe bê tông cung cấp tại công trình.

Từ ngày 11/01/2023 đến ngày 04/4/2023 tổng số tiền hàng bê tông và bơm bê tông công ty cổ phần S1 còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn X là **759.371.759** đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bên công ty cổ phần S1 đã thanh toán trả cho công ty trách nhiệm hữu hạn X số tiền **57.037.037** đồng, còn nợ lại số tiền là **702.334.722** đồng theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 05/4/2023.

Sau ngày 04/4/2023, do phía công ty cổ phần S1 không được tiếp tục thi công công trình xây dựng nữa. Phía công ty trách nhiệm hữu hạn X đã ngừng cung cấp bê tông cho công ty cổ phần S1 và hai bên có liên hệ trao đổi, thông báo về việc ngừng cung cấp bê tông, yêu cầu thanh lý hợp đồng và yêu cầu thanh toán công nợ.

Do phía công ty cổ phần S1 thay đổi địa chỉ trụ sở chính của công ty như khi hai bên đã ký kết hợp đồng kinh tế ngày 22/12/2022 mà không thông báo địa chỉ mới cho công ty trách nhiệm hữu hạn X biết, nên các văn bản thông báo về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng, thanh lý hợp đồng, yêu cầu thanh toán công nợ gửi qua đường bưu điện không thể thực hiện được. Tuy nhiên, hai bên vẫn liên lạc trao đổi bằng điện thoại.

Sau khi đối chiếu công nợ xong, công ty trách nhiệm hữu hạn X đã nhiều lần thúc giục, đòi nợ đến ngày 06/02/2024 công ty cổ phần S1 đã trả được số tiền **100.000.000** đồng bằng hình thức chuyển khoản. Còn nợ lại số tiền gốc là **602.334.722** đồng.

Tính đến ngày 14/5/2024 công ty cổ phần S1 còn nợ của công ty trách nhiệm hữu hạn X số tiền **602.334.722** đồng theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 15/5/2024. Kể từ đó đến nay công ty cổ phần S1 chưa trả thêm đồng nào cho công ty trách

nhiệm hữu hạn X.

Việc công ty cổ phần S1 không thanh toán tiền hàng đúng như hai bên đã thỏa thuận ghi trong Hợp đồng ảnh hưởng đến quyền lợi của công ty trách nhiệm hữu hạn X. Nên công ty đã nhiều lần liên hệ, thông báo thực hiện trách nhiệm trả nợ cho công ty cổ phần S1 theo Biên bản đối chiếu công nợ yêu cầu trả nợ. Nhưng phía Công ty cổ phần S1 không thực hiện việc trả nợ đúng hạn như hai bên đã cam kết trong hợp đồng.

Nay công ty trách nhiệm hữu hạn X căn cứ các điều khoản thỏa thuận giữa hai bên đã ký kết trong Hợp đồng kinh tế (về việc cung cấp bê tông thương phẩm và bơm bê tông) số NN22.12/2022/HĐKT/HT86 ký ngày 22/12/2022. Việc phát sinh tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán công nợ, do phía công ty S1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hàng còn nợ như hai bên đã ký kết trong hợp đồng kinh tế. Phía công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Sản xuất HT86 Bắc Giang lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang là nơi hợp đồng được thực hiện theo điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết tranh chấp.

Đề nghị Tòa án buộc công ty cổ phần S1 phải trả cho công ty trách nhiệm hữu hạn X số tiền mua hàng gốc còn nợ là **602.334.722** đồng (Sáu trăm linh hai triệu, ba trăm ba mươi tư nghìn, bảy trăm hai mươi hai đồng).

Về tiền lãi công ty trách nhiệm hữu hạn X không yêu cầu công ty cổ phần S1 phải trả tiền lãi theo thỏa thuận hai bên đã ký kết tại tiểu mục 5.2.3, Mục 5.2, Điều 5 của Hợp đồng kinh tế (về việc cung cấp bê tông thương phẩm và bơm bê tông) số: NN22.12/2022/HĐKT/HT86 ký ngày 22/12/2022 từ ngày 14/5/2024 đến ngày xét xử. Đề nghị Tòa án tuyên trong bản án buộc công ty cổ phần S1 tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng kinh tế (về việc cung cấp bê tông thương phẩm và bơm bê tông) số: NN22.12/2022/HĐKT/HT86 ký ngày 22/12/2022. Mức lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm.

Tại phiên tòa đại diện công ty trách nhiệm hữu hạn X có đơn vẫn giữ nguyên quan điểm trên và xin xét xử vắng mặt.

***\*Bị đơn công ty cổ phần S1 trình bày:***

Công ty cổ phần S1 đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án, Thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, Thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác tổng đạt theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự liên quan đến nội dung yêu cầu khởi kiện của công ty trách nhiệm hữu hạn X.

Công ty có ý kiến như sau: Phần khối lượng giá trị hình thành công nợ có một phần không được phía chủ đầu tư nghiệm thu hoàn thành do chất lượng không đạt nên phải đập bỏ vì vậy công ty cổ phần S1 đề nghị công ty trách nhiệm hữu hạn X giảm trừ một phần công nợ của khối lượng bị đập bỏ này để đảm bảo đúng tiêu chí của hợp đồng về chất lượng sản phẩm được nghiệm thu mới hình thành được giá trị thanh toán.

Liên quan đến Biên bản đối chiếu công nợ ngày 05/4/2023 giữa công ty cổ phần S1 với công ty trách nhiệm hữu hạn X xác nhận số dư nợ chưa trừ phần hư hỏng là **702.334.722** đồng là đúng.

Tuy nhiên ngày 06/02/2024 công ty cổ phần S1 đã thanh toán cho công ty trách nhiệm hữu hạn X số tiền **100.000.000** đồng. Hiện nay dư nợ chưa trừ phần hư hỏng của công ty cổ phần S1 còn nợ công ty trách nhiệm hữu hạn X số tiền **602.334.722** đồng (Sáu trăm linh hai triệu, ba trăm ba mươi tư nghìn, bảy trăm hai mươi hai đồng).

Tại phiên tòa đại diện công ty cổ phần S1 vắng mặt.

*\*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:* Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa HĐXX sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phía các đương sự nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn công ty cổ phần S1 chưa chấp hành nghiêm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần S1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần hai không có lý do.

Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 50, Điều 306 của Luật thương mại năm 2005; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty trách nhiệm hữu hạn X.

Buộc công ty cổ phần S1 phải trả cho công ty trách nhiệm hữu hạn X số tiền nợ gốc là **602.334.722** đồng (Sáu trăm linh hai triệu, ba trăm ba mươi tư nghìn, bảy trăm hai mươi hai đồng).

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết về nghĩa vụ chậm trả tiền, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền:* Ngày 26/6/2024, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang thụ lý vụ án kinh doanh thương mại theo đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn công ty trách nhiệm hữu hạn X với bị đơn công ty cổ phần S1, nguyên đơn có quyền lựa chọn Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện để giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tiến hành tố tụng đảm bảo tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có đương sự nào khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Thẩm phán, Thư ký. Do đó các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đều hợp pháp.

*Về sự vắng mặt của các đương sự:* Tại phiên tòa nguyên đơn công ty trách

nhiệm hữu hạn X có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn công ty cổ phần S1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần hai không có lý do. Căn cứ các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

*Về quan hệ tranh chấp:* Theo đơn khởi kiện và các tài liệu do nguyên đơn công ty trách nhiệm hữu hạn X cung cấp thì thấy: Ngày 22/12/2022 giữa công ty cổ phần S1 (Bên A) và công ty trách nhiệm hữu hạn X (Bên B) đã thỏa thuận ký Hợp đồng kinh tế (về việc cung cấp bê tông thương phẩm và bơm bê tông) số: NN22.12/2022/HĐKT/HT86 với nội dung các điều khoản đã thỏa thuận ghi trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 14/5/2024 công ty cổ phần S1 còn nợ của công ty trách nhiệm hữu hạn X số tiền **602.334.722** đồng (Sáu trăm linh hai triệu, ba trăm ba mươi tư nghìn, bảy trăm hai mươi hai đồng) theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 15/5/2024. Kể từ đó đến nay công ty cổ phần S1 chưa trả thêm đồng nào cho công ty trách nhiệm hữu hạn X.

Nay công ty trách nhiệm hữu hạn X đề nghị Tòa án giải quyết buộc công ty cổ phần S1 thanh toán số tiền nợ gốc là **602.334.722** đồng (Sáu trăm linh hai triệu, ba trăm ba mươi tư nghìn, bảy trăm hai mươi hai đồng) theo Biên bản đối chiếu công nợ tính đã ký ngày 15/5/2024.

Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, có thỏa thuận lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 50, Điều 306 của Luật thương mại năm 2005.

[2] *Về nội dung:* Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty trách nhiệm hữu hạn X, HĐXX xét thấy: Ngày 22/12/2022 giữa công ty cổ phần S1 (Bên A) và công ty trách nhiệm hữu hạn X (Bên B) đã thỏa thuận ký Hợp đồng kinh tế (về việc cung cấp bê tông thương phẩm và bơm bê tông) số: NN22.12/2022/HĐKT/HT86 với nội dung các điều khoản đã thỏa thuận ghi trong hợp đồng hai bên đã tự nguyện cam kết.

Giao dịch dân sự được xác lập giữa hai bên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 116 của Bộ luật dân sự năm 2015. Khi tham gia giao dịch dân sự các bên đều có đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, người tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi hai bên ký kết Hợp đồng trên, công ty trách nhiệm hữu hạn X đã thực hiện việc giao hàng đảm bảo đúng chủng loại, chất lượng mà bên công ty cổ phần S1 yêu cầu. Việc thực hiện đơn hàng gửi thông báo giá, xuất hóa đơn, địa điểm giao nhận hàng hóa theo thỏa thuận các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng kinh tế (về việc cung cấp bê tông thương phẩm và bơm bê tông) số: NN22.12/2022/HĐKT/HT86 ký ngày 22/12/2022 giữa hai bên.

Tính đến ngày 14/5/2024 công ty cổ phần S1 còn nợ của công ty trách nhiệm hữu hạn X số tiền **602.334.722** đồng (Sáu trăm linh hai triệu, ba trăm ba mươi tư nghìn,

bảy trăm hai mươi hai đồng) theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 15/5/2024. Kể từ đó đến nay công ty cổ phần S1 chưa trả thêm đồng nào cho công ty trách nhiệm hữu hạn X.

Căn cứ tiểu mục 5.2.1, Mục 5.2, Điều 5 của Hợp đồng kinh tế (về việc cung cấp bê tông thương phẩm và bơm bê tông) số: NN22.12/2022/HĐKT/HT86 ký ngày 22/12/2022 giữa hai công ty đã thỏa thuận quy định về thời hạn thanh toán: “5.2.1 Thời hạn thanh toán: Khi giá trị cung cấp đến 100.000.000 đồng bên A sẽ phải thanh toán 100% giá trị công nợ cho bên B và thanh toán trước ngày 25/12/2022 (âm lịch) tức ngày 16/01/2023 (dương lịch). Sau tết âm lịch sẽ thực hiện theo hình thức thanh toán như sau: Vào 25 hàng tháng, hoặc giá trị cung cấp đến 100.000.000 đồng hai bên tiến hành đối chiếu khối lượng, giá trị công nợ đó cho bên B. Nếu trong vòng 30 ngày kể từ ngày đồ gần nhất mà không phát sinh thêm đợt đổ nào nữa thì bên A phải thanh toán nốt công nợ còn lại cho bên B. Khối lượng căn cứ vào phiếu giao nhận bê tông hoặc biên bản đối chiếu khối lượng.

*Trường hợp bên A không trả nợ đúng thời hạn nói trên thì bên B sẽ đơn phương ngừng cấp bê tông cho bên A và bên B sẽ không chịu trách nhiệm về tiến độ thi công của công trình”.*

Xét công ty cổ phần S1 không thanh toán tiền hàng đúng như hai bên đã thỏa thuận ghi trong Hợp đồng ảnh hưởng đến quyền lợi của công ty trách nhiệm hữu hạn X.

Nay công ty trách nhiệm hữu hạn X đề nghị Tòa án giải quyết buộc công ty cổ phần S1 thanh toán số tiền hàng còn nợ là **602.334.722** đồng (Sáu trăm linh hai triệu, ba trăm ba mươi tư nghìn, bảy trăm hai mươi hai đồng) theo Biên bản đối chiếu công nợ đã ký ngày 15/5/2024 là có căn cứ là phù hợp với quy định tại Điều 24, Điều 50, Điều 306 của Luật thương mại năm 2005 cần chấp nhận.

*\*Về yêu cầu tính tiền lãi:* Công ty trách nhiệm hữu hạn X không yêu cầu công ty cổ phần S1 phải trả tiền lãi theo thỏa thuận hai bên đã ký kết tại tiểu mục 5.2.3, Mục 5.2, Điều 5 của Hợp đồng kinh tế (về việc cung cấp bê tông thương phẩm và bơm bê tông) số: NN22.12/2022/HĐKT/HT86 ký ngày 22/12/2022. Do vậy HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

*[3] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền:* Do bị đơn công ty cổ phần S1 vắng mặt tại phiên tòa nên không thỏa thuận được lãi suất chậm thi hành án, lãi suất chậm trả thực hiện theo mức đã giao kết trong Hợp đồng kinh tế (về việc cung cấp bê tông thương phẩm và bơm bê tông) số: NN22.12/2022/HĐKT/HT86 ký ngày 22/12/2022, mức lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm cho đến khi công ty cổ phần S1 thanh toán hết các khoản nợ cho công ty trách nhiệm hữu hạn X tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành.

*[4] Về án phí:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của công ty trách nhiệm hữu hạn X được chấp nhận, nên

công ty không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty trách nhiệm hữu hạn X số tiền **14.047.000** đồng ngày 26/6/2024 đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007657 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Buộc công ty cổ phần S1 phải chịu **28.093.300** đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 50, Điều 306 của Luật thương mại năm 2005; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty trách nhiệm hữu hạn X.

Buộc công ty cổ phần S1 phải trả công ty trách nhiệm hữu hạn X số tiền gốc là **602.334.772** đồng (Sáu trăm linh hai triệu, ba trăm ba mươi tư nghìn, bảy trăm hai mươi hai đồng).

Buộc công ty cổ phần S1 tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng kinh tế (về việc cung cấp bê tông thương phẩm và bơm bê tông) số: NN22.12/2022/HĐKT/HT86 ký ngày 22/12/2022, mức lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm cho đến khi công ty cổ phần S1 thanh toán hết các khoản nợ cho công ty trách nhiệm hữu hạn X.

2. *Về án phí:* Công ty trách nhiệm hữu hạn X không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả công ty trách nhiệm hữu hạn X số tiền **14.047.000** đồng (Mười bốn triệu, không trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) ngày 26/6/2024 đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007657 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Buộc công ty cổ phần S1 phải chịu **28.093.300** đồng (Hai mươi tám triệu, không trăm chín mươi ba nghìn, ba trăm đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành*

*án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Quỳnh Hoa**